UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG LONG

Biểu 5

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023 – 2024

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp Một	Lớp Hai	Lớp Ba	Lớp Bốn	Lớp Năm
I	**Điều kiện tuyển sinh.**	- Trẻ 6 tuổi sinh năm 2017 có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại ấp 1,2 3 xã Hưng Long, huyện Bình Chánh. - Chỉ tiêu tuyển sinh 156 em/5 lớp (đã tuyển 164 em).	164/5 lớp	185/6 lớp	211/6 lớp	203/6 lớp
II	**Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.**	- Lớp 1, 2, 3, 4 thực hiện chương trình theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 12/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018. - Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông – Cấp tiểu học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ban hành ở Lớp 5.				
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.** **Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.**	- Ban Đại diện CMHS được tổ chức và hoạt động theo điều 49; 50 của Điều lệ trường tiểu học. - Học sinh thực hiện quyền và nhiệm vụ theo điều 41;42;43;44 Điều lệ trường tiểu học.				
IV	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.**	- 100% học sinh học 2 buổi/ ngày; học sinh tham gia tốt các hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt dưới cờ nhằm rèn luyện đạo đức, phát triển năng lực, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập, phù hợp tâm sinh lý lứa tuổi; - Học sinh được tham gia học tập chương trình nhà trường; - Tăng cường giáo dục kỹ năng sống thông qua mọi hoạt động, mọi lúc, mọi nơi, tập trung việc rèn kỹ năng đọc sách cho học sinh (*qua việc tổ chức cho học sinh đọc sách tại thư viện truyền thống, thư viện xanh, các tủ sách lưu động và góc thư viện tại lớp*). Bên cạnh đó nhà trường cũng tổ chức rèn luyện thể chất thông qua việc cho học sinh tham gia các câu lạc bộ bóng đá, cầu lông, bóng rổ; rèn luyện năng khiếu qua các lớp Mĩ thuật.				
V	**Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập,**	- Năng lực: Đạt: 100% - Phẩm chất: Đạt: 100%				

	sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	- Học tập: + HS Hoàn thành chương trình lớp học: 99,0%. + HS Hoàn thành chương trình bậc tiểu học: 100%. + Hiệu suất đào tạo: 98,0%. - Sức khỏe: + Học sinh được tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. + Đảm bảo 100% học sinh đều được khám sức khỏe định kỳ 1lần/năm. + Có chế độ theo dõi trẻ dư cân; béo phì.
VI	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	Học sinh không đủ điều kiện vẫn được rèn luyện để được hoàn thành chương trình bậc tiểu học.

Bình Chánh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG LONG

Trần Anh Phương

Biểu mẫu 06

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG LONG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	957	164	194	185	211	203
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày**	957	164	194	185	211	203
III	**Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất**						
1	*Tốt* *(tỷ lệ so với tổng số)*	921 (96,23%)	154 (93,9%)	193 (99,48%)	170 (91,89%)	211 (100%)	193 (95,07%)
2	*Đạt* *(tỷ lệ so với tổng số)*	36 (3,77%)	10 (6,1%)	1 (0,52%)	15 (8,12%)	0 (0%)	10 (4,93%)
3	*Cần cố gắng* *(tỷ lệ so với tổng số)*	0	0	0	0	0	0
IV	**Số học sinh chia theo kết quả học tập**						
1	*Hoàn thành xuất sắc* *(tỷ lệ so với tổng số)*	444 (46,4%)	127 (77,4%)	128 (66,0%)	88 (47,6%)	101 (47,9%)	0
2	*Hoàn thành tốt* *(tỷ lệ so với tổng số)*	250 (26,1%)	07 (4,3%)	16 8,2%)	21 (10,0%)	21 (41,97%)	185 (91.1%)
3	*Hoàn thành* *(tỷ lệ so với tổng số)*	259 (27,1%)	28 (17,1%)	50 (25,8%)	74 40,0%)	89 (42,2%)	18 (8,9%)
4	*Chưa hoàn thành* *(tỷ lệ so với tổng số)*	04 (0,4%)	02 (1,2%)	0	02 (1,1%)	0	0
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**						

1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	953 (99,6%)	162 (98,8%)	194 (100%)	183 (98,9%)	211 (100%)	203 (100%)
a	*Trong đó:* *HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)*	694 (72,52%)	134 (81,71%)	144 (74,23%)	109 (58,92%)	122 (57,82%)	185 (91,13%)
b	*HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)*	06 (0,34%)	02 (1,22%)	01 (0,27%)	01 (0,28%)	03 (0,74%)	01 (0,34%)
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	04 (0,4%)	02 (1,2%)	0	02 (1,1%)	0	0

Hưng Long, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯNG LONG TỈNH BÌNH CHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG LONG

Trần Anh Phương

Biểu mẫu 07
Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG LONG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**		Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**	**52**	-
1	Phòng học kiên cố	52	-
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ, mượn	/	-
III	**Số điểm trường**	**1**	-
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	9342	9342/957 = 9,76
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	6955	6955/957 = 7,26
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	2496	2496/957 = 2,61
2	Diện tích thư viện (m^2) (Phòng đọc GV: **32** m^2; HS: **64** m^2, Thư viện xanh: **20** m^2).	106m^2	106/957 = 0,111
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m^2)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)	48	48/957 = 0,05
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)	48	48/957 = 0,05
6	Diện tích phòng học tin học (m^2)	96	96/957 = 0,10
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)	31m^2	31/957 = 0,032
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)	48	48/957 = 0,05
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		**Số bộ/lớp**
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	21 (73%)	21/29 = 0,72
1.1	Khối lớp 1	4 (80%)	4/5 = 0,8
1.2	Khối lớp 2	5 (80%)	5/6 = 0,8
1.3	Khối lớp 3	4,5 (75%)	4,5/6 = 0,75
1.4	Khối lớp 4	4 (70%)	4/6 = 0,7
1.5	Khối lớp 5	3,5 (60%)	3,5/6 = 0,6

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	8	8/29 = 0,28
2.1	Khối lớp 1	1	1/5 = 0,2
2.2	Khối lớp 2	1	1/6 = 0,2
2.3	Khối lớp 3	1,5	1,5/6 = 0,25
2.4	Khối lớp 4	2	2/6 = 0,3
2.5	Khối lớp 5	2,5	2,5/6 = 0,4
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	**61**	**Số học sinh/bộ 793/61**
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	31	31/29
2	Cát xét	08	08/29
3	Đầu Video/đầu đĩa	00	00/29
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	01/29
5	Màn hình tương tác	02	02/29
6	Dàn âm thanh	01	01/29

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	Khu vực phân phối thức ăn	48
XI	Khu vực sân bãi ăn	600

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	17 - 816 m^2	1,54
XIII	Khu nội trú	00	00

XIV	**Nhà vệ sinh**	**Dùng cho giáo viên**	**Dùng cho học sinh**		**Số m^2/học sinh**	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	04	06	12	00	576/957 = 0,6
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00	00	00	00

*(*Theo Quyết định số 41/2010/QĐ-BGĐT ngày 31/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Bình Chánh, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Anh Phương

Biểu mẫu 08
Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TIỂU HỌCHƯNG LONG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**47**		**01**	**40**	**05**	**01**		**04**	**35**	**08**	**17**	**21**		
I	**Giáo viên**	**39**			**36**	**03**				**32**	**07**	**17**	**19**		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	03			03					02	01	01	02		
3	Tin học	01			01					01		01			
4	Âm nhạc	01			01					01			01		
5	Mĩ thuật	01			01					01		01			
6	Thể dục	03			03					03		01	01		
II	**Cán bộ quản lý**	**03**		**01**	**02**					**02**	**01**		**02**		
1	Hiệu trưởng	01		01							01				
2	Phó hiệu trưởng	02			02					02			02		

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
III	**Nhân viên**	**05**			**02**	**02**	**01**		**04**	**01**					
1	Nhân viên văn thư	**01**			01					**01**					
2	Nhân viên kế toán	**01**				01			01						
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	**01**					01		01						
5	Nhân viên thư viện	**01**			01				01						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin	**01**				01			01						
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên bảo vệ														
10	Nhân viên phục vụ														

Bình Chánh, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Anh Phương